

|                                                                                                     |                                                                                                                                |                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| <b>Trường Tiểu học Hứa Tạo</b><br>Họ và tên:.....<br>.....<br>Lớp:.....<br>SBD:.....Phòng thi:..... | <b>ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II</b><br>Năm học: 2025-2026<br>Môn: Công nghệ - Lớp 5<br>Thời gian: 15 phút<br>Ngày kiểm tra:..... | <b>Giám thị</b> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|

| Điểm | <u>Nhận xét</u> |
|------|-----------------|
|      |                 |

### **I. LÝ THUYẾT (5 điểm) (15 phút)**

**Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất (Từ câu 1 đến câu 9)**

**Câu 1.** Xe điện là phương tiện giao thông:

- A. Tốn nguyên, nhiên liệu.
- B. Chậm chạp và nhanh hết điện.
- C. Tạo ra nhiều khí thải, làm ảnh hưởng tới môi trường.
- D. Không tạo ra khí thải, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

**Câu 2.** Để lắp ráp mô hình điện mặt trời cần có mấy bước?

- A. 2 bước.
- B. 3 bước.
- C. 4 bước.
- D. 5 bước.

**Câu 3.** Trong mô hình điện mặt trời, bộ phận nào giúp chuyển đổi ánh sáng mặt trời thành điện năng?

- A. Pin mặt trời.
- B. Dây dẫn điện.
- C. Đèn LED.
- D. Động cơ.

**Câu 4.** Khi sắp xếp thực phẩm trong tủ lạnh, điều nào sau đây là **sai**?

- A. Đặt thực phẩm trong hộp kín.
- B. Không xếp thực phẩm che kín khe thông gió.
- C. Phân loại thực phẩm (rau, thịt, đồ uống).
- D. Xếp kín các ngăn để tận dụng không gian.

**Câu 5.** Mô hình xe điện chạy bằng pin được chia thành mấy bộ phận?

- A. 4.
- B. 3.
- C. 2.
- D. 1.

**Câu 6.** Nước ta có nhà máy điện mặt trời ở đâu?

- A. Nghệ An.
- B. Hà Nội.
- C. Bình Thuận.
- D. Nha Trang.

**Câu 7.** Có mấy yêu cầu đối với sản phẩm lắp ráp mô hình xe điện chạy bằng pin?

- A. 5 yêu cầu.
- B. 4 yêu cầu.
- C. 3 yêu cầu.
- D. 2 yêu cầu.

**Câu 8.** Chức năng chính của tủ lạnh là gì?

- A. Làm nóng thực phẩm.
- B. Làm đông đá tất cả các loại thực phẩm.
- C. Sấy khô thực phẩm.
- D. Bảo quản thực phẩm ở nhiệt độ thấp.

**Câu 9.** Máy phát điện gió được dùng để biến đổi năng lượng .....**(1)**..... thành năng lượng .....**(2)**.....

**A.** (1) – ánh sáng, (2) – điện.

**B.** (1) – gió (2) – điện.

**C.** (1) – điện, (2) – ánh sáng.

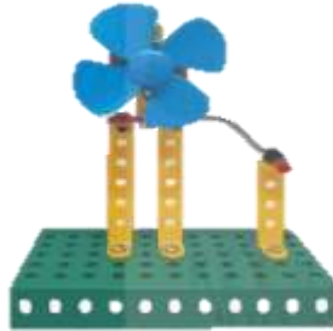
**D.** (1) – điện, (2) – gió.

**Câu 10.** Hãy điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Pin mặt trời hấp thụ..... mặt trời và chuyển đổi.....ánh sáng thành năng lượng.....

## II. THỰC HÀNH (5 điểm)

Thực hành lắp ghép mô hình máy phát điện gió theo mẫu với các yêu cầu sau:



**Câu 1.** Chuẩn bị đủ dụng cụ và chi tiết trong bộ lắp ghép.

**Câu 2.** Lắp khung giá đỡ.

**Câu 3.** Lắp đèn LED với dây dẫn điện.

**Câu 4.** Gắn máy phát điện và đèn LED vào khung giá đỡ.

**ĐÁP ÁN ĐÁP ÁN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ – LỚP 5**

**I. LÝ THUYẾT (5 điểm)**

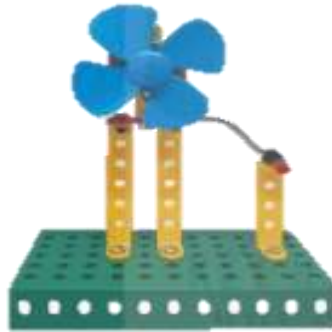
| Câu  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
|------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Đ/án | D | C | A | D | A | C | B | D | B |

*Mỗi câu đúng: 0.5 điểm*

**Câu 10.** ánh sáng; năng lượng; điện. (0.5 điểm)

**II. THỰC HÀNH (5 điểm)**

Thực hành lắp ghép mô hình máy phát điện gió theo mẫu với các yêu cầu sau:



**Câu 1.** (1.0 điểm) Chuẩn bị đủ dụng cụ và chi tiết trong bộ lắp ghép.

**Câu 2.** (1.0 điểm) Lắp khung giá đỡ.

**Câu 3.** (2.0 điểm) Lắp đèn LED với dây dẫn điện.

**Câu 4.** (1.0 điểm) Gắn máy phát điện và đèn LED vào khung giá đỡ.

**MA TRẬN CÂU HỎI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ – LỚP 5**

| Mạch kiến thức/<br>Chủ đề                | Số câu và<br>số điểm | Mức 1<br>(Nhận biết)          |               | Mức 2<br>(Thông hiểu)        |      | Mức 3<br>(Vận dụng) |      | Tổng cộng                                           |                                 |
|------------------------------------------|----------------------|-------------------------------|---------------|------------------------------|------|---------------------|------|-----------------------------------------------------|---------------------------------|
|                                          |                      | TN                            | TL            | TN                           | TL   | TN                  | TL   | TN                                                  | TL                              |
| 1. Sử dụng tủ lạnh                       | Số câu               | 1                             |               | 1                            |      |                     |      | 2                                                   |                                 |
|                                          | Câu số               | I.8                           |               | I.4                          |      |                     |      | I.4,I.8                                             |                                 |
|                                          | Số điểm              | 0.5                           |               | 0.5                          |      |                     |      | 1                                                   |                                 |
| 2. Lắp ráp mô hình xe điện chạy bằng pin | Số câu               | 2                             |               | 1                            |      |                     |      | 3                                                   |                                 |
|                                          | Câu số               | I.5,I.7                       |               | I.1                          |      |                     |      | I.1,I.5,<br>I.7                                     |                                 |
|                                          | Số điểm              | 1                             |               | 0.5                          |      |                     |      | 1.5                                                 |                                 |
| 3. Mô hình máy phát điện gió             | Số câu               | 1                             | 2             |                              | 1    |                     | 1    | 1                                                   | 4                               |
|                                          | Câu số               | I.9                           | II.1,<br>II.4 |                              | II.2 |                     | II.3 | I.9                                                 | II.1,<br>II.2,<br>II.3,<br>II.4 |
|                                          | Số điểm              | 0.5                           | 2             |                              | 1    |                     | 2    | 0.5                                                 | 5                               |
| 4. Mô hình điện mặt trời                 | Số câu               | 2                             |               | 2                            |      |                     |      | 4                                                   |                                 |
|                                          | Câu số               | I.2,I.3                       |               | I.6,<br>I.10                 |      |                     |      | I.2,I.3,<br>I.6,I.10                                |                                 |
|                                          | 1                    | 1                             |               | 1                            |      |                     |      | 2                                                   |                                 |
| Tổng cộng                                | Số câu               | 6                             | 2             | 4                            | 1    |                     | 1    | 9                                                   | 4                               |
|                                          | Câu số               | I.2,I.3<br>I.5,I.7<br>I.8,I.9 | II.1,<br>II.4 | I.1,<br>I.4,<br>I.6,<br>I.10 | II.2 |                     | II.3 | I.1,I.2,<br>I.3,I.4,<br>I.5,I.6,<br>I.7,I.8,<br>I.9 | II.1,<br>II.2,<br>II.3,<br>II.4 |
|                                          | Số điểm              | 3                             | 2             |                              | 1    |                     | 2    | 5                                                   | 5                               |
| Tỉ lệ % theo mức độ nhận thức            |                      | 50%                           |               | 30%                          |      | 20%                 |      | 100%                                                |                                 |
| Số điểm                                  |                      | 5 điểm                        |               | 3 điểm                       |      | 2 điểm              |      | 10 điểm                                             |                                 |